

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2024

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Kim Tuyền

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ C, ấp I, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ C, ấp I, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L với anh T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai sống hạnh phúc với nhau đến tháng 10/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Võ Minh T1, sinh năm 1997 và Võ Minh T2, sinh năm 2004. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2024, bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Anh T và chị L tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai chung sống với nhau đến tháng 02/2023 thì không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình chung sống, giữa cả hai không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2023 thì cả hai không còn tình cảm với nhau nên không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị L yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Võ Minh T1, sinh năm 1997 và Võ Minh T2, sinh năm 2004. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên anh T và chị L không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị L, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị L, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên thấy rằng chị L và anh T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995, 1996. Mặc dù có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình

nên việc kết hôn của anh T và chị L không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hiện nay, chị L và anh T không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Chị L yêu cầu ly hôn thì theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận chị L và anh T là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Võ Minh T1, sinh năm 1997 và Võ Minh T2, sinh năm 2004. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014856 ngày 30/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải